

Số: /SGDDĐT-QLCL  
V/v hướng dẫn tổ chức tuyển sinh  
giáo dục trung học năm học 2022-2023

Yên Bái, ngày tháng 4 năm 2022

Kính gửi:

- Trưởng phòng GDĐT các huyện, thị xã, thành phố;
- Hiệu trưởng các trường THCS&THPT, THPT, Trung cấp;
- Giám đốc các trung tâm: GDTX tỉnh, GDNN-GDTX.

Căn cứ Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt các nội dung tuyển sinh giáo dục trung học năm học 2022-2023, Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) hướng dẫn công tác tuyển sinh như sau:

### **1. Những quy định chung**

- Công tác tuyển sinh trung học được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở (THCS) và tuyển sinh trung học phổ thông (THPT) được ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2014/TT-BGDĐT ngày 26/5/2014 và Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. Ngoài ra:

+ Tuyển sinh vào các trường Phổ thông Dân tộc nội trú (PTDTNT) thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

+ Tuyển sinh vào trường THPT chuyên: các lớp THPT thực hiện theo Quy chế trường THPT chuyên được ban hành kèm theo Thông tư số 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; Các lớp THCS thực hiện tuyển sinh theo Đề án phát triển Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành giai đoạn 2021-2025 được ban hành kèm theo Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 19/02/2021 của UBND tỉnh.

- Kế hoạch tuyển sinh thực hiện theo Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt các nội dung tuyển sinh giáo dục trung học năm học 2022-2023.

- Chỉ tiêu tuyển sinh của các đơn vị thực hiện theo Quyết định số 2765/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND tỉnh Yên Bái về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và Thông báo số 87/TB-SGDĐT ngày 31/12/2021 của Sở GD&ĐT về việc thông báo chỉ tiêu kế hoạch phát triển GD&ĐT năm học 2022-2023.

- Học sinh được tuyển vào các trường PTDTNT phải hoàn thành chương trình cấp học liên kế tại vùng tuyển. Lưu ý: Trường hợp học sinh được nhận làm con nuôi, nhà trường cần lưu bản sao hợp lệ giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong hồ sơ tuyển sinh; kiểm tra hồ sơ nhận con nuôi hợp lệ theo quy định tại Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

## 2. Tuyển sinh vào lớp 6 THCS

a) Tuyển sinh vào lớp 6 THCS công lập: phòng GD&ĐT các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, chỉ đạo, triển khai công tác tuyển sinh vào lớp 6 THCS trên địa bàn. Tổng hợp, báo cáo kết quả tuyển sinh với UBND cấp huyện và Sở GD&ĐT trước ngày 30/8/2022.

b) Tuyển sinh vào lớp 6 THCS các trường PTDTNT: phòng GD&ĐT căn cứ thực tế của địa phương, xây dựng kế hoạch tuyển sinh, chỉ tiêu cho các xã; trình UBND huyện phê duyệt; thông báo tới các xã, các trường tiểu học, THCS, phụ huynh học sinh trong vùng tuyển; tổ chức tuyển sinh đảm bảo đúng quy định; tổng hợp kết quả, báo cáo UBND huyện phê duyệt.

c) Công tác tuyển sinh lớp 6 Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành được Sở GD&ĐT tổ chức theo Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 31/3/2022. Cụ thể:

- Sở GD&ĐT giao cho Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành thực hiện công tác thông báo tuyển sinh, thu nhận hồ sơ, lập danh sách và công bố những học sinh đủ điều kiện tham gia khảo sát.

- Lịch làm bài khảo sát năng lực:

Ngày	Buổi	Bài khảo sát	Thời gian làm bài	Giờ phát đề	Giờ bắt đầu làm bài	Giờ thu bài
09/6/2022	Sáng	09 giờ 30: Học sinh đến phòng làm thủ tục, nghe phổ biến quy chế, lịch khảo sát, học cách tô phiếu trả lời trắc nghiệm.				
	Chiều	Bài khảo sát năng lực	90 phút	14 giờ 20	14 giờ 30	16 giờ 00

## 3. Tuyển sinh vào lớp 10 THPT

Toàn tỉnh tổ chức 01 kỳ thi tuyển sinh vào các trường THPT công lập, THPT Chuyên và PTDTNT THPT. Cụ thể:

### a) Tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập

- Đăng ký dự thi: thí sinh đăng ký dự thi tại các trường THPT công lập; thí sinh đăng ký tại trường nào thì trường đó được xác định là nguyện vọng 1 và phải dự thi tại trường đó. Việc đăng ký dự thi được tiến hành theo 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1 (từ ngày 20/5 đến ngày 25/5/2022): thí sinh nộp đơn đăng ký dự thi và bản sao giấy khai sinh hợp lệ (có thể nộp trực tiếp hoặc trực tuyến).

+ Giai đoạn 2 (từ ngày 26/5 đến ngày 30/5/2022): thí sinh hoàn thiện hồ sơ tuyển sinh theo quy định.

- Địa bàn tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, môn thi, hình thức thi, thời gian làm bài, tuyển thẳng, cộng điểm ưu tiên, miễn thi: thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành và Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 31/3/2022. Lưu ý:

+ Phạm vi kiến thức và cấu trúc đề thi: thực hiện theo Phụ lục số 2, không thi vào phần giảm tải tại Công văn số 4040/BGDĐT-GDTrH ngày 16/9/2021 của Bộ GD&ĐT.

+ Thí sinh được cộng không quá 5,0 điểm ưu tiên; các đối tượng được ưu tiên phải có các giấy chứng nhận theo đúng quy định.

+ Chủ tịch hội đồng tuyển sinh nhà trường chịu trách nhiệm đối chiếu với quy định, xác nhận học sinh đủ điều kiện tuyển thẳng, miễn thi môn Tiếng Anh và thông báo danh sách học sinh đủ điều kiện tuyển thẳng, miễn thi tại đơn vị trước ngày 01/6/2022.

+ Sau khi có kết quả thi tuyển, chủ tịch hội đồng tuyển sinh của nhà trường lập 01 danh sách gồm học sinh được tuyển thẳng và thí sinh trúng tuyển vào lớp 10 THPT để Hội đồng tuyển sinh của Sở GD&ĐT phê duyệt.

### ***b) Tuyển sinh vào Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành***

\* *Vòng 1. Sơ tuyển:* Sở GD&ĐT giao cho Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành thực hiện công tác sơ tuyển theo Quy chế trường THPT chuyên, đề án phát triển Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành giai đoạn 2021-2025; cần chú ý một số điểm cụ thể:

- Học sinh đăng ký tuyển sinh nộp hồ sơ có các minh chứng sơ tuyển tại Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành: Chỉ tuyển học sinh có kết quả xếp loại học lực và hạnh kiểm loại khá trở lên trong 04 năm học tập tại trường THCS.

- Điểm xét tuyển được tính như sau:

+ Kết quả xếp loại hạnh kiểm mỗi năm THCS: Tốt: 5,0 điểm; khá: 2,5 điểm.

+ Kết quả xếp loại học lực mỗi năm THCS: giỏi: 5,0 điểm; khá: 4,0 điểm.

+ Kết quả mỗi loại giải thưởng trong kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9, khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cấp tỉnh; kỳ thi học sinh giỏi do Bộ GD&ĐT tổ chức hoặc tham gia tổ chức theo khu vực một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc trong phạm vi toàn quốc; kỳ thi khu vực một số nước: giải nhất: 5,0 điểm; giải nhì: 4,0 điểm; giải ba: 3,0 điểm; giải khuyến khích: 2,0 điểm.

+ Kết quả tốt nghiệp THCS: loại giỏi: 5,0 điểm; loại khá: 4,0 điểm.

- Những thí sinh có điểm sơ tuyển vòng 1 đạt 35,0 điểm trở lên mới đủ điều kiện thi tuyển vòng 2.

- Trường THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành có trách nhiệm thông báo kết quả sơ tuyển cho thí sinh và báo cáo kết quả về Sở GD&ĐT trước ngày 01/6/2022.

\* *Vòng 2. Thi tuyển:* Hình thức thi, môn thi, thời gian làm bài và nguyên tắc xét tuyển: thực hiện theo Quy chế trường THPT chuyên và Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 31/3/2022. Lưu ý:

- Phạm vi kiến thức và cấu trúc đề thi: thực hiện theo Phụ lục số 2.

- Điểm bài thi tính theo thang điểm 10, nếu chấm bài thi theo thang điểm khác thì kết quả điểm các bài thi phải quy đổi ra thang điểm 10.

**c) Tuyển sinh vào lớp 10 các trường PTDTNT**

- Học sinh đăng ký và dự thi tại các trường PTDTNT.
- Đối tượng, chỉ tiêu tuyển sinh: thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT và Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 31/3/2022.
- Hồ sơ: thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT và thêm các giấy tờ sau: Đơn đăng ký dự tuyển có xác nhận của UBND xã (mẫu 1); Hai phong bì có dán tem, ghi rõ địa chỉ người nhận; Hồ sơ duyệt tuyển thẳng bổ sung thêm các giấy chứng nhận ưu tiên, khuyến khích theo đúng quy định.
- Lưu ý: Với những thí sinh đăng ký dự thi cả Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành và trường PTDTNT THPT, nếu không đỗ vào Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành mới được sử dụng kết quả thi để đăng ký dự tuyển vào trường PTDTNT THPT.

**d) Tuyển sinh vào cơ sở giáo dục thường xuyên:**

Các đơn vị có hệ giáo dục thường xuyên cấp THPT xây dựng kế hoạch tuyển sinh trình đơn vị chủ quản phê duyệt và báo cáo Sở GD&ĐT theo Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 31/3/2022. Cụ thể:

- Điều kiện dự xét tuyển: học sinh đã tốt nghiệp THCS.
- Hồ sơ dự xét tuyển: Đơn xin xét tuyển; Bản sao công chứng giấy khai sinh; Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THCS hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời với học sinh tốt nghiệp THCS năm học 2021-2022; Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).
- Quy trình xét tuyển: Thành lập hội đồng xét tuyển; Tổ chức kiểm tra hồ sơ học sinh dự tuyển, xét tuyển theo quy định; Báo cáo Sở GD&ĐT phê duyệt.
- Thời gian xét tuyển: Các đơn vị xét tuyển xong trước ngày 05/9/2022; Nộp hồ sơ về Sở GD&ĐT trước ngày 20/9/2022.

**đ) Lịch thi**

Ngày thi	Buổi thi	Môn thi	Thời gian làm bài	Giờ phát đề	Giờ bắt đầu làm bài	Giờ thu bài
07/6/2022	Sáng	Ngữ văn	120 phút	07 giờ 55	08 giờ 00	10 giờ 00
	Chiều	Tiếng Anh, Lịch sử	60 phút	13 giờ 55	14 giờ 00	15 giờ 00
08/6/2022	Sáng	Toán	90 phút	07 giờ 55	08 giờ 00	09 giờ 30
	Chiều	Sinh học, Vật lý, Tiếng Anh (chuyên)	150 phút	13 giờ 55	14 giờ 00	16 giờ 30
09/6/2022	Sáng	Toán, Ngữ văn (chuyên)	150 phút	07 giờ 55	08 giờ 00	10 giờ 30
	Chiều	Hoá học, Lịch sử, Địa lý (chuyên)	150 phút	13 giờ 55	14 giờ 00	16 giờ 30

### ***e) Tổ chức thực hiện***

Mọi quy định về tổ chức kỳ thi áp dụng theo Quy chế thi tốt nghiệp THPT và các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT.

- Giám đốc Sở GD&ĐT quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh vào lớp 10 THPT của Sở GD&ĐT và của các đơn vị. Hội đồng tuyển sinh của Sở GD&ĐT có nhiệm vụ xét duyệt điểm tuyển sinh của các đơn vị, trình Giám đốc Sở GD&ĐT phê duyệt.

- Các trường THPT, THCS&THPT; các đơn vị có hệ giáo dục thường xuyên cấp THPT:

+ Xây dựng các tổ hợp môn học từ 3 nhóm môn học và chuyên đề học tập để vừa đáp ứng nhu cầu của người học vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của đơn vị. Nộp danh sách tổ hợp các môn học để Sở GD&ĐT phê duyệt trước ngày 25/4/2022.

+ Xây dựng tờ trình đề nghị thành lập hội đồng tuyển sinh cấp trường gồm 7 hoặc 9 thành viên: trong đó Chủ tịch là Hiệu trưởng (hoặc phó Hiệu trưởng phụ trách), Phó Chủ tịch là Phó Hiệu trưởng, thành viên là lãnh đạo Công đoàn, Đoàn thanh niên, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng); giới thiệu cán bộ, giáo viên tham gia hội đồng ra đề thi, hội đồng coi thi, hội đồng chấm thi. Tờ trình đề nghị thành lập hội đồng, danh sách giới thiệu hội đồng tuyển sinh cấp trường, danh sách giới thiệu cán bộ, giáo viên tham gia hội đồng ra đề thi, hội đồng coi thi, hội đồng chấm thi về Sở GD&ĐT trước ngày 15/5/2022.

+ Xây dựng phương án tuyển sinh, trong đó xác định rõ số tổ hợp môn học, dự kiến số lượng học sinh theo từng tổ hợp môn học sau khi trúng tuyển. Phối hợp với phòng GD&ĐT thông báo rộng rãi phương án tuyển sinh; thành lập các tổ công tác trực tiếp đến các trường THCS trên địa bàn tuyển sinh: thông báo những điểm mới của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, phương án tuyển sinh của nhà trường, kế hoạch tuyển sinh của tỉnh,... để học sinh nắm được và đăng ký ưu tiên theo tổ hợp môn học trước khi dự thi.

+ Hoàn thiện hồ sơ, trình Hội đồng tuyển sinh Sở GD&ĐT duyệt kết quả tuyển sinh. Hồ sơ xét duyệt gồm: Tờ trình đề nghị duyệt tuyển sinh; Quyết định thành lập hội đồng xét tuyển, kế hoạch làm việc, phân công nhiệm vụ; Biên bản họp xét duyệt tuyển sinh; Danh sách học sinh, học viên được xét tuyển (03 bản, theo mẫu đính kèm).

+ Sau khi có kết quả phê duyệt tuyển sinh của Sở GD&ĐT, thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức phân lớp theo các tổ hợp môn học mà học sinh đã đăng ký; chú ý xây dựng các tiêu chí phụ để đảm bảo quyền lợi của học sinh.

- Hội đồng tuyển sinh cấp trường:

+ Xây dựng kế hoạch tuyển sinh cụ thể; tổ chức công tác tuyển sinh theo các quy định hiện hành đảm bảo quyền lợi cho học sinh bao gồm: xét tuyển thẳng, miễn thi và điểm xét tuyển sinh theo quy định.

+ Trong quá trình nhận hồ sơ của thí sinh, hướng dẫn các em điền các tổ hợp môn học của trường mình (nguyện vọng 1) và của trường nguyện vọng 2 đảm bảo tính chính xác.

***f. Kinh phí, ấn phẩm dự thi***

- Ấn phẩm dùng trong kỳ thi do Sở GD&ĐT phát hành, các đơn vị đăng ký trước ngày 15/5/2022.

- Kinh phí: thực hiện theo chế độ hiện hành.

Trên đây là Hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh giáo dục trung học năm học 2022-2023. Trong khi thực hiện, nếu gặp vấn đề vướng mắc, đề nghị liên hệ với Phòng Quản lý chất lượng, điện thoại 02163.851.822, email: [phongqlcl@yenbai.edu.vn](mailto:phongqlcl@yenbai.edu.vn).

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (b/c)
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng của Sở;
- Lưu: VT, QLCL, TCH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đào Anh Tuấn**

**Phụ lục 1.****LỊCH CÔNG TÁC KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT***(Kèm theo Công văn số**/SGDDT-QLCL ngày**/4/2022 của Sở GD&ĐT)*

<b>Nội dung công việc</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Phối hợp</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
- Gửi tờ trình đề nghị thành lập HĐ tuyển sinh; danh sách cán bộ, giáo viên tham gia coi thi, chấm thi.	- Các đơn vị		Trước ngày 15/5
- Các đơn vị đăng ký ấn phẩm thi	- Phòng QLCL	- Các đơn vị	Trước ngày 15/5
- Thí sinh nộp đơn đăng ký dự thi, bản sao giấy khai sinh hợp lệ (giai đoạn 1). - Nhà trường nhập dữ liệu	- HĐ tuyển sinh các đơn vị		Từ ngày 20/5 đến ngày 25/5
- Thí sinh hoàn thiện nộp hồ sơ tuyển sinh (giai đoạn 2).	- HĐ tuyển sinh các đơn vị		Từ ngày 26/5 đến ngày 30/5
- Thông báo kết quả tuyển thẳng, miễn thi của các trường THPT; kết quả sơ tuyển Trường THPT Chuyên. - Chuyển dữ liệu đăng ký dự thi về sở GD&ĐT (mẫu 2)	- HĐ tuyển sinh các đơn vị		Ngày 31/5
- Họp Chủ tịch, Phó Chủ tịch (sở tại) Hội đồng coi thi tại Sở GD&ĐT.	GD Sở GD&ĐT	- Chủ tịch HĐ	08 giờ 30 ngày 05/6
- Phát ấn phẩm tại Sở GD&ĐT	- Phòng QLCL	- HĐ tuyển sinh các đơn vị	Ngày 05/6
- Phát đề thi tại Sở GD&ĐT	- Phòng QLCL	- Chủ tịch HĐ và công an làm việc tại HĐ thi	Ngày 05/6 (sau khi họp CTHĐ)
<b>Tuyển sinh vào lớp 10</b>			
- Họp Lãnh đạo, thư ký HĐ; - Họp lãnh đạo, bộ phận phục vụ, bảo vệ, y tế...	- HĐ Coi thi	- Các điểm thi	17 giờ 00 ngày 05/6
- Họp toàn thể cán bộ điểm thi;	- HĐ Coi thi	- Các điểm thi	14 giờ 00 ngày 06/6
- Thí sinh học tập nội quy tại phòng thi.	- HĐ Coi thi	- Các điểm thi	16 giờ 00 ngày 06/6
- Coi thi theo lịch	- HĐ Coi thi	- Các điểm thi	Từ ngày 07/6 đến ngày 09/6
<b>Tuyển sinh vào lớp 6 Trường THPT Chuyên NTT</b>			
- Họp Lãnh đạo HĐ - Họp lãnh đạo, bộ phận phục vụ, bảo vệ, y tế,...	- HĐ khảo sát	Trường THPT Chuyên NTT	16 giờ 00 ngày 08/6
- Họp toàn thể cán bộ HĐ	- HĐ khảo sát	Trường THPT Chuyên NTT	07 giờ 30 ngày 09/6
- Hướng dẫn thí sinh học tập quy	- HĐ khảo sát	Trường THPT	09 giờ 30 ngày 09/6

chế, cách làm bài trắc nghiệm.		Chuyên NTT	
- Coi khảo sát theo lịch	- HĐ khảo sát	Trường THPT Chuyên NTT	13 giờ 30 ngày 09/6
- Giao nhận bài thi các trường THPT	- HĐ Chấm thi	- Chủ tịch HĐ và công an làm việc tại HĐ thi	- Các trường THPT: trước 18 giờ 00 ngày 08/6 - Trường THPT Chuyên NTT: trước 18 giờ 00 ngày 09/6
- Chấm thi	- HĐ Chấm thi	- Trường THPT Chuyên NTT	Từ ngày 09/6 đến ngày 20/6
- Công bố điểm thi	- Sở GD&ĐT	- HĐ tuyển sinh các đơn vị	Ngày 22/6
- Duyệt kết quả tuyển sinh	- HĐ tuyển sinh Sở GD&ĐT	- THPT chuyên NTT	Sáng ngày 24/6
		- Các trường PTDINT THPT	Chiều ngày 24/6
- Duyệt điểm chuẩn	- HĐ tuyển sinh Sở GD&ĐT	Các trường THPT: Nguyễn Huệ, Lê Quý Đôn, Chu Văn An, Hoàng Văn Thụ, Nghĩa Lộ, Văn Chấn	Sáng ngày 26/6
		Các trường THPT công lập còn lại	Sáng ngày 27/6
- Nộp hồ sơ phúc khảo về Sở GD&ĐT	- HĐ Phúc khảo	- HĐ tuyển sinh các đơn vị	Trước ngày 05/7
- Chấm phúc khảo	- HĐ Phúc khảo		Từ ngày 06/7 đến ngày 15/7
- Thông báo kết quả phúc khảo	- HĐ Phúc khảo		Ngày 16/7
- Hoàn thành công tác tuyển sinh	- Các trường THPT		Chậm nhất ngày 05/8
	- Các đơn vị có hệ GDTX THPT		Chậm nhất ngày 05/9



**Phụ lục 2.****CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH THPT**

(Kèm theo Công văn số /SGDDT-QLCL ngày /4/2022 của Sở GD&ĐT)

**A. CẤU TRÚC ĐỀ THI VÀO LỚP 10 THPT****I. MÔN NGỮ VĂN**

- Hình thức thi: Tự luận.
- Thời gian làm bài: 120 phút.
- Thang điểm: 10.

**1. Phạm vi kiến thức***a) Phần Tiếng Việt*

- Phần từ vựng: Từ và cấu tạo từ của tiếng Việt; Nghĩa của từ, từ nhiều nghĩa, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm; Từ tượng hình, từ tượng thanh; Các phép tu từ từ vựng; Chữa lỗi dùng từ.

- Phần ngữ pháp: Từ loại; Thành phần câu; Phép tu từ cú pháp; Các phương châm hội thoại; Chữa lỗi đặt câu.

*b) Phần Văn học*

- Văn xuôi:

+ *Chuyện người con gái Nam Xương* - Nguyễn Dữ

+ *Làng* - Kim Lân

+ *Lặng lẽ Sa Pa* - Nguyễn Thành Long

+ *Chiếc lược ngà* - Nguyễn Quang Sáng

+ *Những ngôi sao xa xôi* - Lê Minh Khuê

- Thơ:

+ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du và các đoạn trích: *Chị em Thuý Kiều*; *Kiều ở lầu Ngưng Bích*

+ *Đồng chí* - Chính Hữu

+ *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* - Phạm Tiến Duật

+ *Đoàn thuyền đánh cá* - Huy Cận

+ *Ánh trăng* - Nguyễn Duy

+ *Bếp lửa* - Bằng Việt

+ *Mùa xuân nho nhỏ* - Thanh Hải

+ *Viếng lăng Bác* - Viễn Phương

**2. Cấu trúc đề thi****Câu 1. (3,0 điểm)**

- Kiến thức: Văn học, tiếng Việt.

- Kỹ năng: Đọc hiểu văn bản (từ 3 đến 4 câu hỏi), ngữ liệu trong chương trình THCS, chủ yếu ở chương trình lớp 9; hoặc tóm tắt văn bản tự sự (khoảng 10 đến 12 câu); hoặc chép thuộc lòng một đoạn thơ ngắn (4-10 câu thơ).

**Câu 2. (2,0 điểm)**

- Kiến thức: Về một vấn đề tư tưởng, đạo lí hoặc một sự việc, hiện tượng đời sống.
- Kỹ năng: Viết đoạn văn nghị luận xã hội, khoảng 200 từ; có thể thêm một số yêu cầu về thao tác giải thích, chứng minh, bình luận...; hoặc các kiểu kết cấu đoạn văn: diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp...

**Câu 3. (5,0 điểm)**

- Kiến thức: Văn học.
- Kỹ năng: Viết bài văn nghị luận về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích); nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

**II. MÔN TOÁN, TIẾNG ANH**

- Hình thức thi: trắc nghiệm khách quan.
- Thang điểm: 10.
- Thời gian làm bài: Môn Toán 90 phút; Môn Tiếng Anh 60 phút; Môn Lịch sử 60 phút (dành cho học sinh Trường PTDTBT TH&THCS Tà Xi Láng, huyện Trạm Tấu thay thế môn Tiếng Anh).

- Phạm vi kiến thức: 70% kiến thức chương trình lớp 9.

**B. CẤU TRÚC ĐỀ THI VÀO LỚP 10 THPT CHUYÊN****I. MÔN TOÁN**

- Hình thức thi: Tự luận.
- Thời gian làm bài: 150 phút.
- Thang điểm: 10.

**1. Phạm vi kiến thức:** bao gồm đại số, hình học, số học.

**2. Cấu trúc đề thi**

**Câu 1. (1,5 điểm).** Biến đổi đại số

- Biến đổi đại số một biểu thức và những vấn đề liên quan.

**Câu 2. (3,0 điểm).** Phương trình, hệ phương trình, hàm số

- Phương trình, bất phương trình, hệ phương trình bậc nhất chứa tham số, hệ phương trình bậc hai.

- Các vấn đề liên quan đến phương trình bậc 2, phương trình bậc hai chứa tham số:

+ Giải phương trình đại số đưa về phương trình bậc hai;

+ Xét số nghiệm của phương trình;

+ Bài toán tương giao giữa hai đồ thị;

+ Sử dụng hệ thức Viet và ứng dụng định lý Viet: Hiểu và vận dụng được định lý Viet như tìm tham số thỏa mãn hệ thức cho trước, tìm 2 số biết tổng và tích, lập phương trình bậc hai...

**Câu 3. (3,5 điểm).** Hình học

- Hình học phẳng tổng hợp: Quan hệ vuông góc, quan hệ song song, đường tròn, góc, tiếp tuyến,... định lý Talét, tam giác đồng dạng,... tứ giác nội tiếp, các hệ thức, tính độ dài, tính góc, tính diện tích...

- Hình học không gian: sử dụng được các công thức trong việc tính toán các vật có cấu tạo từ hình trụ, hình nón, hình cầu.

- Cực trị hình học, bài toán tập hợp điểm.

**Câu 4. (1,0 điểm). Số học**

- Các bài toán về ước số, bội số, chia hết, chia dư;

- Các bài toán về số chính phương, số nguyên tố, hợp số;

- Các vấn đề thuộc về số nguyên, nghiệm nguyên của phương trình.

**Câu 5. (1,0 điểm)**

Các bài toán về bất đẳng thức, các bài toán về giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất, các bài toán suy luận logic, nguyên lý Diricle, nguyên lý cực hạn.

**\* Ghi chú:**

- Nội dung kiến thức phải bảo đảm theo yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng và hướng dẫn điều chỉnh chương trình của môn Toán THCS.

- Trong mỗi câu có thể có nhiều câu nhỏ nhằm đánh giá những yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng cần có để học sinh có thể tiếp tục học các lớp tiếp theo.

- Đề thi có tính chất phân loại để đánh giá được những học sinh có năng lực.

## II. MÔN VẬT LÝ

- Hình thức thi: Tự luận.

- Thời gian làm bài: 150 phút.

- Thang điểm: 10.

**1. Phạm vi kiến thức:** Cơ học, nhiệt học, điện từ học, quang học.

### 2. Cấu trúc đề thi

**Câu 1. (2,0 điểm) Cơ học**

1. Động học: Chuyển động cơ học, tính tương đối của chuyển động cùng phương, chuyển động thẳng đều.

2. Các lực cơ học (trọng lực, lực đàn hồi, lực ma sát, lực Acsimet), khối lượng riêng, trọng lượng riêng, áp suất chất lỏng và chất khí.

3. Công, công suất.

4. Các máy đơn giản: Đòn bẩy, mặt phẳng nghiêng, ròng rọc.

5. Cân bằng của vật.

**Câu 2. (2,5 điểm) Nhiệt học**

1. Nhiệt lượng, sự truyền nhiệt, phương trình cân bằng nhiệt, năng suất tỏa nhiệt, sự bảo toàn trong các hiện tượng cơ nhiệt.

2. Sự chuyển thể của các chất.

3. Sự truyền nhiệt, trao đổi nhiệt giữa các vật trong hệ.

**Câu 3. (3,0 điểm) Điện từ học**

1. Định luật Ôm cho các loại đoạn mạch.

2. Điện năng, công, công suất của dòng điện một chiều, định luật Jun – Lenxơ.

**Câu 4. (1,5 điểm) Quang học**

1. Các định luật quang hình học: Truyền thẳng, phản xạ, khúc xạ.

2. Gương phẳng, thấu kính, hệ quang học.

*Chú ý:* Bài toán hệ quang học chỉ xét hệ hai dụng cụ (hệ gương – thấu kính; thấu kính - thấu kính) và vật đối với dụng cụ quang học là vật thật.

**Câu 5. (1,0 điểm) Phương án thực hành**

Lập phương án thực hành xác định các đại lượng vật lý trong chương trình THCS.

### III. MÔN HÓA HỌC

- *Hình thức thi: Tự luận.*

- *Thời gian làm bài: 150 phút.*

- *Thang điểm: 10.*

**1. Phạm vi kiến thức:** hóa vô cơ, hóa hữu cơ. Các dạng bài tập có thể gặp:

- Mối quan hệ giữa các đơn chất, hợp chất vô cơ, hữu cơ.  
- Xác định công thức phân tử, công thức cấu tạo đơn chất, hợp chất vô cơ, hợp chất hữu cơ.

- So sánh tính chất vật lý, tính chất hóa học của các đơn chất, hợp chất.

- Điều chế, tách loại, nhận biết các chất.

- Bài tập liên quan đến thực hành, thí nghiệm, thực tế.

- Bài toán vô cơ.

- Bài toán hữu cơ.

- Liên kết hóa học.

- Phản ứng oxi hóa khử và sự điện li, pH của dung dịch.

### 2. Cấu trúc đề thi

**Câu 1. (1,5 điểm)**

- Cấu tạo nguyên tử, bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, so sánh tính kim loại, tính phi kim của các nguyên tố trong chu kỳ và nhóm (nhóm A).

- Dung dịch (dung dịch bão hòa, chưa bão hòa, độ tan, nồng độ dung dịch).

- Chất khí (tỉ khối, áp suất, thành phần hỗn hợp khí).

**Câu 2. (2,5 điểm)**

- Tính chất hóa học của các hợp chất vô cơ.

- Kim loại: Tính chất vật lý, tính chất hóa học của đơn chất, hợp chất các kim loại IA, IIA, nhôm, sắt, đồng, kẽm. Ăn mòn kim loại, chống ăn mòn kim loại. Gang, thép.

- Phi kim: Tính chất vật lý, tính chất hóa học của đơn chất, hợp chất các phi kim VIIA, VIA, VA, VIA. Phân bón hóa học, công nghiệp silicat.

**Câu 3. (2,0 điểm)**

Bài toán xác định công thức phân tử, thành phần hỗn hợp đơn chất, hợp chất vô cơ.

**Câu 4. (1,0 điểm)**

- Đại cương về hóa hữu cơ (đồng đẳng, đồng phân, danh pháp, xác định công thức phân tử, công thức cấu tạo)

**Câu 5. (1,5 điểm)**

- Hidrocacbon (no, không no, thơm), dầu mỏ, nhiên liệu.

- Dẫn xuất của hidrocacbon (ancol, axit cacboxylic, este).
- Glucozơ, saccarozơ, tinh bột, xenlulozơ.
- Polime, vật liệu polime (PE, PVC, PVA, cao su buna).

**Câu 6. (1,5 điểm)**

Bài toán xác định công thức phân tử, thành phần hỗn hợp chất hữu cơ.

**IV. MÔN SINH HỌC**

- Hình thức thi: Tự luận.
- Thời gian làm bài: 150 phút.
- Thang điểm: 10.
- Phạm vi kiến thức:

STT	Nội dung	Tỷ lệ
1	Tế bào	20%
2	Sinh học cơ thể thực vật	
3	Sinh học cơ thể người (cấu tạo và chức năng của các hệ cơ quan)	
4	Cơ sở vật chất và cơ chế di truyền ở cấp độ phân tử (không ra bài tập tính toán phân kiến thức này)	10%
5	Cơ sở vật chất và cơ chế di truyền cấp độ tế bào (NST, nguyên phân, giảm phân, thụ tinh)	10%
6	Biến dị	10%
7	Quy luật di truyền	10%
8	Bài tập quy luật di truyền	10%
9	Di truyền người	5%
10	Ứng dụng di truyền và chọn giống	5%
11	Nhân tố sinh thái	5%
12	Quần thể	5%
13	Quần xã và hệ sinh thái	10%

**V. MÔN NGỮ VĂN**

- Hình thức thi: Tự luận.
- Thời gian làm bài: 150 phút.
- Thang điểm: 10.

**1. Phạm vi kiến thức**

Ngoài các tác phẩm đã giới hạn trong đề thi Ngữ văn tuyển sinh lớp 10 THPT, có thể sử dụng thêm một số tác phẩm sau:

- Ý nghĩa văn chương - Hoài Thanh
- Tiếng nói của văn nghệ - Nguyễn Đình Thi
- Lão Hạc - Nam Cao
- Bến quê - Nguyễn Minh Châu
- Nhớ rừng - Thế Lữ
- Ngắm trăng - Hồ Chí Minh
- Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ - Nguyễn Khoa Điềm
- Con cò - Chế Lan Viên

- *Nói với con* - Y Phương

- *Sang thu* - Hữu Thỉnh

## 2. Cấu trúc đề thi

### Câu 1. (2,0 điểm)

- Kiến thức: một hình ảnh, biện pháp, chi tiết nghệ thuật độc đáo,... trong một đoạn văn, đoạn thơ.

- Kỹ năng: viết một đoạn nghị luận văn học; có thể thêm một số yêu cầu về thao tác phân tích, chứng minh,...

### Câu 2. (3,0 điểm)

- Kiến thức: Về một vấn đề tư tưởng đạo lí; một hiện tượng đời sống hoặc vấn đề đặt ra trong một tác phẩm văn học.

- Kỹ năng: viết một bài văn nghị luận, khoảng 400 từ.

### Câu 3. (5,0 điểm)

- Kiến thức: Văn học

- Kỹ năng: viết một bài văn nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích, một nhóm tác phẩm, đoạn trích (kiểu bài so sánh,...); hoặc về một ý kiến, nhận định bàn về văn học: tác giả, tác phẩm, vấn đề văn học sử hoặc vấn đề lí luận văn học,...

\* **Lưu ý:** nếu có kiến thức lí luận văn học, chỉ lấy từ hai bài *Ý nghĩa văn chương* (Hoài Thanh) và *Tiếng nói của văn nghệ* (Nguyễn Đình Thi).

## VI. MÔN TIẾNG ANH

- *Hình thức thi: kết hợp trắc nghiệm và tự luận.*

- *Thời gian làm bài: 150 phút.*

- *Thang điểm: 10.*

**1. Phạm vi kiến thức, kĩ năng:** nghe hiểu, ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, đọc hiểu và viết.

## 2. Cấu trúc đề thi

Kĩ năng	Loại bài tập	Hình thức	Số câu	Điểm	Ghi chú (tài liệu-độ khó tương đương)
Nghe hiểu	Nghe và điền từ vào chỗ trống	TL	10	1,0	Theo format Ielts (Section 1- 2)
	Nghe và chọn đáp án đúng	TN	5	0,5	Theo format PET
	Nghe 1 đoạn bản tin và điền vào chỗ trống	TL	5	0,5	
Ngữ âm	Chọn từ có cách phát âm khác + Chọn từ có âm tiết mang trọng âm khác vị trí với các từ còn lại.	TN	5	0,5	Phát âm: 1 câu phụ âm + 1 câu nguyên âm đơn + 1 câu nguyên âm đôi Trọng âm : 1 câu từ 2 âm tiết, 1 câu từ 3 âm tiết trở lên
Ngữ pháp - Từ	Chọn câu trả lời đúng nhất (Từ vựng: Collocation (Noun + Noun/Verb + noun/verb +	TN	15	1,5	

<b>vựng</b>	Adverb/adj + noun/adv + adj)/phrasal verbs/idioms/synonym/antonym/conjunction/subject verb agreement/inversion/word order/Functional language, tag question)				
	Chia động từ	TL	5	0,5	
	Cho dạng đúng của từ	TL	10	1	
<b>Đọc hiểu</b>	Đọc một đoạn văn và chọn câu trả lời đúng nhất	TN	10	1	Bài đọc độ dài khoảng 350-400 từ có đủ các dạng câu hỏi của bài đọc toefl
	Đọc một đoạn văn và chọn từ phù hợp nhất để điền vào chỗ trống	TN	10	1	Theo format FCE
	Đọc nối tiêu đề với đoạn văn phù hợp hoặc trên câu / chèn đoạn vào đoạn chưa hoàn chỉnh	TL/TN	5	0,5	Theo format FCE
<b>Viết</b>	Viết lại câu bắt đầu bằng từ cho sẵn + Viết lại câu dùng từ cho sẵn	TL	5	0,5	
	Viết một bài văn khoảng 250 từ bày tỏ ý kiến về một vấn đề theo các chủ điểm đã học.	TL	1	1,5	Dạng bài : Discussion / Opinion / Problem-solution

## VII. MÔN LỊCH SỬ

- Hình thức thi: Tự luận.
- Thời gian làm bài: 150 phút.
- Thang điểm: 10.

### 1. Phạm vi kiến thức

STT	Nội dung	Ghi chú
<b>Lớp 8</b>	<b>Bài 26:</b> Phong trào kháng Pháp trong những năm cuối thế kỉ XIX	
	<b>Bài 27:</b> Khởi nghĩa Yên Thế và phong trào chống Pháp của đồng bào miền núi cuối thế kỉ XIX	Chỉ ôn khởi nghĩa Yên Thế
<b>Lớp 9</b>	<b>Bài 1:</b> Liên Xô và các nước Đông Âu từ 1945 đến giữa những năm 70 của thế kỷ XX	Chỉ ôn Liên Xô
	<b>Bài 5:</b> Các nước Đông Nam Á	
	<b>Bài 8:</b> Nước Mĩ	
	<b>Bài 9:</b> Nhật Bản	
	<b>Bài 12:</b> Những thành tựu chủ yếu và ý nghĩa của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật	
	<b>Bài 14:</b> Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất	
	<b>Bài 16:</b> Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài trong những năm 1919-1925	
<b>Bài 17:</b> Cách mạng Việt Nam trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời		

<b>Bài 18:</b> Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời	
<b>Bài 19:</b> Việt Nam trong những năm 1930 -1935	Chỉ ôn phong trào 1930-1931
<b>Bài 20:</b> Cuộc vận động dân chủ trong những năm 1936-1939.	
<b>Bài 23:</b> Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa	
<b>Bài 24:</b> Cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân 1945-1946	
<b>Bài 25:</b> Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1946-1950	
<b>Bài 27:</b> Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc 1953-1954	
<b>Bài 28:</b> Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam 1954-1965.	Chỉ ôn chống Mỹ ở miền Nam 1961-1965
<b>Bài 29:</b> Cả nước trực tiếp chiến đấu chống Mỹ, cứu nước 1965-1973	Chỉ ôn chống Mỹ ở miền Nam 1965-1973
<b>Bài 30:</b> Hoàn thành giải phóng miền Nam 1973-1975	Chỉ ôn phần III,IV
<b>Bài 33:</b> Việt Nam trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội 1986-2000	Chỉ ôn phần I,II (kế hoạch 5 năm 1985-1990)

## 2. Cấu trúc đề thi

### Câu 1. (1,5 điểm)

- Lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến nay.

### Câu 2. (1,5 điểm)

- Lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến nay.

### Câu 3. (3,0 điểm)

- Phong trào kháng Pháp trong những năm cuối thế kỉ XIX và khởi nghĩa Yên Thế.

- Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930.

### Câu 4. (2,0 điểm)

- Lịch sử Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1954.

### Câu 5. (2,0 điểm)

- Lịch sử Việt Nam từ năm 1954 đến năm 2000.

### \* Lưu ý:

- Các câu hỏi mở và câu hỏi về lịch sử địa phương sẽ được lồng ghép vào các nội dung trên.

- Cấu trúc trên áp dụng cả cho thi học sinh giỏi THCS; bổ sung các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân ta thế kỉ X đến XV; Không thi các bài 28, 29, 30, 33 của lớp 9.

## VIII. MÔN ĐỊA LÍ

- Hình thức thi: Tự luận.



- Thời gian làm bài: 150 phút.

- Thang điểm: 10.

- Phạm vi kiến thức và cấu trúc:

TT	Nội dung		Điểm
1	Địa lí tự nhiên đại cương	- Trái đất (đặc điểm các chuyển động; hệ quả). - Các quyển: Khí quyển, thủy quyển, thổ nhưỡng quyển, sinh quyển. - Mối quan hệ giữa các thành phần của tự nhiên.	1,5
2	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương	- Dân số đại cương	1,0
3	Địa lí Tự nhiên Việt Nam	- Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ. - Đặc điểm chung của tự nhiên (địa hình, khí hậu, đất đai, sông ngòi, sinh vật). - Sự phân hóa của tự nhiên.	2,0
4	Địa lí Dân cư Việt Nam	- Đặc điểm dân số và sự phân bố dân cư. - Lao động và việc làm.	1,0
5	Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam	- Nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ. + Nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố. + Tình hình phát triển và phân bố các ngành (chủ yếu khai thác Atlas Địa lí Việt Nam).	1,5
6	Địa lí Vùng kinh tế Việt Nam	- Trung du miền núi Bắc Bộ ; Tây Nguyên ; Bắc Trung Bộ ; Duyên hải Nam Trung Bộ: + Nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của các vùng. + Tình hình phát triển và phân bố các ngành kinh tế trong vùng (chủ yếu khai thác Atlas Địa lí Việt Nam). - Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, đảo.	1,0
7	Địa lí địa phương tỉnh Yên Bái	- Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ. - Khái quát về thế mạnh/tình hình phát triển kinh tế - xã hội.	0,5
8	Kĩ năng	- Chọn biểu đồ (không yêu cầu vẽ biểu đồ) - Phân tích bảng số liệu thống kê (Xử lí số liệu, nhận xét, giải thích)	1,5

**\* Lưu ý chung: Cấu trúc và phạm vi kiến thức này có thể tham khảo để ôn luyện và thi học sinh giỏi lớp 9 THCS.**

**Phụ lục 3.****MÃ ĐƠN VỊ DỰ THI TUYỂN SINH THPT***(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-QLCL ngày /4/2021 của Sở GD&ĐT)*

<b>TT</b>	<b>Trường</b>	<b>Mã số</b>	<b>Số báo danh đầu tiên (không dùng dấu chấm)</b>
1	THPT Chuyên NTT	10	100001
2	THPT Nguyễn Huệ	11	110001
3	THPT Lý Thường Kiệt	12	120001
4	THPT Hoàng Quốc Việt	13	130001
5	PT DTNT THPT Tỉnh	14	140001
6	THPT Trần Nhật Duật	15	150001
7	THPT Cẩm Ân	16	160001
8	THPT Cẩm Nhân	17	170001
9	THPT Thác Bà	18	180001
10	THPT Hoàng Văn Thụ	19	190001
11	THPT Mai Sơn	20	200001
12	THPT Hồng Quang	21	210001
13	THPT Lê Quý Đôn	22	220001
14	THPT Hưng Khánh	23	230001
15	THPT Chu Văn An	24	240001
16	THPT Trần Phú	25	250001
17	THPT Nguyễn Lương Bằng	26	260001
18	THPT Nghĩa Lộ	27	270001
19	PT DTNT THPT Miền Tây	28	280001
20	THPT Nguyễn Trãi	29	290001
21	THPT Văn Chấn	30	300001
22	THPT Sơn Thịnh	31	310001
23	THCS&THPT Nậm Búng	32	320001
24	THCS&THPT Nghĩa Tâm	36	360001
25	THPT Trạm Tấu	33	330001
26	THPT Mù Căng Chải	34	340001
27	THCS&THPT Púng Luông	35	350001

**Phụ lục 4.**  
**HƯỚNG DẪN**

**Kỹ năng làm bài khảo sát đánh giá năng lực trên phiếu trả lời trắc nghiệm**  
**Tuyển sinh vào lớp 6 Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành**

*(Kèm theo Công văn số /SGDDT-QLCL ngày /4/2022 của Sở GD&ĐT)*

1. Thí sinh phải nắm vững và tuân thủ các quy định trong Quy chế khảo sát và những yêu cầu về khảo sát trắc nghiệm.

2. Chuẩn bị chu đáo các dụng cụ để làm bài khảo sát:

- Bút mực hoặc bút bi (không dùng bút màu đỏ), bút chì, tẩy chì cũng như các tài liệu khác theo quy định của quy chế.

- Thí sinh nên chọn loại bút chì mềm như 2B, 3B, 4B; thí cũng nên mang theo đồng hồ để theo dõi giờ làm bài.

**3. Trước khi làm bài**

- Ngay khi nhận Phiếu trả lời trắc nghiệm, thí sinh cần đọc kỹ hướng dẫn ở mặt sau của phiếu.

- Dùng bút mực hoặc bút bi (không phải là mực đỏ) điền đầy đủ bằng chữ các thông tin vào các mục từ số 1 đến số 6. Ghi số báo danh với đầy đủ các chữ số (kể cả chữ số 0 ở đầu số báo danh, nếu có) vào các ô vuông nhỏ trên đầu các cột của khung số báo danh (mục 7). Sau đó, dùng bút chì lần lượt tô kín ô có chữ số tương ứng với chữ số ở đầu mỗi cột. Lưu ý, thí sinh chưa ghi mã đề khảo sát (mục 8) và tuyệt đối không được ghi vào phần họ, tên, chữ kí của cán bộ coi khảo sát.

- Khi nhận được đề khảo sát, thí sinh ghi tên và số báo danh của mình vào đề khảo sát; kiểm tra để đảm bảo rằng: đề khảo sát có đủ số lượng câu trắc nghiệm như đã ghi trong đề; nội dung đề được in rõ ràng, không thiếu chữ, mất nét; tất cả các trang của đề khảo sát đều ghi cùng một mã đề khảo sát (ở cuối trang). Nếu có những chi tiết bất thường, thí sinh phải báo ngay cho cán bộ coi khảo sát.

- Mỗi đề khảo sát có mã số riêng, thí sinh xem mã đề khảo sát ở trên đầu trang thứ nhất và dùng bút mực hoặc bút bi ghi ngay 3 chữ số của mã đề khảo sát vào 3 ô vuông nhỏ ở đầu các cột của khung chữ nhật (mục 8); sau đó dùng bút chì lần lượt tô kín ô có chữ số tương ứng với chữ số ở đầu mỗi cột.

**4. Khi làm bài**

- Đề khảo sát có 50 câu; thời gian trung bình dành cho mỗi câu chỉ có 1,8 phút (kể cả đọc câu hỏi, nhớ kiến thức cơ bản, thực hiện lựa chọn đáp án bằng cách kiểm thử các đáp án). Vì thế, thí sinh cần tập trung cao độ để tái hiện kiến thức, quyết định hướng làm bài, lựa chọn kết quả và thao tác tô phiếu trả lời trắc nghiệm.

- Ở từng câu trắc nghiệm, thí sinh cần đọc kỹ nội dung lời dẫn và bốn lựa chọn A, B, C, D. Khi đã chọn được phương án đúng, thí sinh điền vào Phiếu trả lời trắc nghiệm bằng cách dùng bút chì tô kín 01 trong 04 ô tương ứng với các chữ cái A, B, C, D (Ứng với mỗi câu trắc nghiệm chỉ được tô 1 ô trả lời); số thứ tự câu trả lời trên Phiếu trả lời trắc nghiệm phải trùng với số thứ tự câu trắc

nghiệm trong đề thi. Cần tránh các trường hợp trả lời câu trắc nghiệm này nhưng tô vào hàng của câu khác hoặc tô 2 ô trở lên cho một câu trả lời.

- Thí sinh không nên dừng lại quá lâu trước một câu trắc nghiệm nào đó; nếu không làm được câu này thí sinh nên tạm thời bỏ qua để làm câu khác; cuối giờ có thể quay trở lại làm câu trắc nghiệm đã bỏ qua.

- Khi tô nhầm hoặc muốn thay đổi câu trả lời, thí sinh dùng tẩy tẩy thật sạch chì ở ô cũ, rồi tô ô khác mà mình mới lựa chọn.

### **5. Nộp phiếu trả lời trắc nghiệm**

- Thí sinh làm xong bài phải ngồi tại chỗ, không nộp bài trắc nghiệm trước khi hết giờ làm bài. Khi có hiệu lệnh thu bài, thí sinh phải ngừng làm bài, bỏ bút xuống, úp sấp Phiếu trả lời trắc nghiệm xuống mặt bàn, chờ nộp bài theo hướng dẫn của cán bộ coi khảo sát. Thí sinh không làm được bài vẫn phải nộp phiếu trả lời trắc nghiệm.

- Khi nộp phiếu trả lời trắc nghiệm, thí sinh phải ký tên vào danh sách nộp bài.

- Thí sinh chỉ được rời khỏi chỗ của mình sau khi cán bộ coi khảo sát đã kiểm đủ số phiếu trả lời trắc nghiệm của cả phòng khảo sát và cho phép thí sinh ra về.

### **6. Lưu ý**

- Bài khảo sát của thí sinh là Phiếu trả lời trắc nghiệm. Vì thế, làm đến câu nào, thí sinh nên dùng bút chì tô ngay ô trả lời trên Phiếu trả lời trắc nghiệm; không nên làm toàn bộ các câu trên giấy nháp hoặc trên đề khảo sát rồi mới tô vào Phiếu trả lời trắc nghiệm vì dễ bị nhầm lẫn thiếu và thời gian.

- Phiếu trả lời trắc nghiệm hợp lệ phải có 2 chữ ký của 2 cán bộ coi khảo sát và chỉ được viết một thứ mực không phải là mực đỏ; tô chì đen ở ô số báo danh, mã đề thi, câu trả lời; thí sinh nhớ không được tô bất cứ ô nào trên phiếu trả lời trắc nghiệm bằng bút mực, bút bi. Khi tô các ô bằng bút chì, phải tô đậm và lấp kín diện tích cả ô; không gạch chéo hoặc chỉ đánh dấu vào ô được chọn.

- Để bài làm của thí sinh được chấm (bằng máy), thí sinh phải giữ phiếu sạch sẽ, không làm rách, làm nhàu, quăn mép giấy hoặc có vết gấp. Ngoài các mực cần ghi bằng bút mực và các câu trả lời tô chì, tuyệt đối không được viết gì thêm hoặc để lại dấu hiệu riêng trên Phiếu trả lời trắc nghiệm. Bài có dấu riêng sẽ bị coi là phạm quy và không được chấm điểm.

- Một số lỗi thí sinh thường gặp:

+ Phiếu trả lời trắc nghiệm bị gập, rách góc, nhàu nát.

+ Ghi không đủ thông tin trong các mục trên phiếu trả lời trắc nghiệm.

+ Tô mờ, tô không hết ô, tô tràn bên ngoài ô,...

+ Tô trên các ô trên phiếu trả lời trắc nghiệm bằng bút mực, bút bi.

+ Tô sai số báo danh: Tô thiếu ô, tô trùng cột.

+ Tô sai mã đề: viết nhầm thứ tự các số trong mã đề dẫn đến tô nhầm.

+ Tô đáp án: tô nhiều ô cho một câu, tẩy không sạch phương án đã chọn sai, không tô hết các câu hỏi.

# PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Kỳ thi: .....

Bài thi: ..... Ngày thi: ...../...../ 20.....

7. Số báo danh

8. Mã đề thi

Họ tên, chữ ký của cán bộ coi thi 1
Họ tên, chữ ký của cán bộ coi thi 2

1. Hội đồng thi:.....

2. Điểm thi:.....

3. Phòng thi số:.....

4. Họ và tên thí sinh:.....

5. Ngày sinh: ...../...../.....(Nam/ Nữ).

6. Chữ ký của thí sinh:.....

0	0	0	0	0	0
1	1	1	1	1	1
2	2	2	2	2	2
3	3	3	3	3	3
4	4	4	4	4	4
5	5	5	5	5	5
6	6	6	6	6	6
7	7	7	7	7	7
8	8	8	8	8	8
9	9	9	9	9	9

0	0	0
1	1	1
2	2	2
3	3	3
4	4	4
5	5	5
6	6	6
7	7	7
8	8	8
9	9	9

**Chú ý: Thí sinh cần đọc kỹ hướng dẫn ở mặt sau Phiếu này.**

1	A	B	C	D
2	A	B	C	D
3	A	B	C	D
4	A	B	C	D
5	A	B	C	D
6	A	B	C	D
7	A	B	C	D
8	A	B	C	D
9	A	B	C	D
10	A	B	C	D
11	A	B	C	D
12	A	B	C	D
13	A	B	C	D
14	A	B	C	D
15	A	B	C	D
16	A	B	C	D
17	A	B	C	D
18	A	B	C	D
19	A	B	C	D
20	A	B	C	D
21	A	B	C	D
22	A	B	C	D
23	A	B	C	D
24	A	B	C	D
25	A	B	C	D
26	A	B	C	D
27	A	B	C	D
28	A	B	C	D
29	A	B	C	D
30	A	B	C	D

31	A	B	C	D
32	A	B	C	D
33	A	B	C	D
34	A	B	C	D
35	A	B	C	D
36	A	B	C	D
37	A	B	C	D
38	A	B	C	D
39	A	B	C	D
40	A	B	C	D
41	A	B	C	D
42	A	B	C	D
43	A	B	C	D
44	A	B	C	D
45	A	B	C	D
46	A	B	C	D
47	A	B	C	D
48	A	B	C	D
49	A	B	C	D
50	A	B	C	D
51	A	B	C	D
52	A	B	C	D
53	A	B	C	D
54	A	B	C	D
55	A	B	C	D
56	A	B	C	D
57	A	B	C	D
58	A	B	C	D
59	A	B	C	D
60	A	B	C	D

61	A	B	C	D
62	A	B	C	D
63	A	B	C	D
64	A	B	C	D
65	A	B	C	D
66	A	B	C	D
67	A	B	C	D
68	A	B	C	D
69	A	B	C	D
70	A	B	C	D
71	A	B	C	D
72	A	B	C	D
73	A	B	C	D
74	A	B	C	D
75	A	B	C	D
76	A	B	C	D
77	A	B	C	D
78	A	B	C	D
79	A	B	C	D
80	A	B	C	D
81	A	B	C	D
82	A	B	C	D
83	A	B	C	D
84	A	B	C	D
85	A	B	C	D
86	A	B	C	D
87	A	B	C	D
88	A	B	C	D
89	A	B	C	D
90	A	B	C	D

91	A	B	C	D
92	A	B	C	D
93	A	B	C	D
94	A	B	C	D
95	A	B	C	D
96	A	B	C	D
97	A	B	C	D
98	A	B	C	D
99	A	B	C	D
100	A	B	C	D
101	A	B	C	D
102	A	B	C	D
103	A	B	C	D
104	A	B	C	D
105	A	B	C	D
106	A	B	C	D
107	A	B	C	D
108	A	B	C	D
109	A	B	C	D
110	A	B	C	D
111	A	B	C	D
112	A	B	C	D
113	A	B	C	D
114	A	B	C	D
115	A	B	C	D
116	A	B	C	D
117	A	B	C	D
118	A	B	C	D
119	A	B	C	D
120	A	B	C	D

### HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

- 1) Thí sinh cần giữ Phiếu cho phẳng, không bôi bẩn, không làm nhàu, rách nát;
- 2) Ghi đầy đủ, rõ ràng các mục từ mục 1 đến mục 8;
- 3) Số báo danh ghi tại mục 7 là 6 chữ số cuối;
- 4) Tại mục 7 và 8, ngoài việc ghi chữ số vào ô trống, thí sinh nhất thiết phải tô kín các ô tròn trong bảng số phía dưới tương ứng với chữ số đã ghi;
- 5) Phần trả lời: Số thứ tự các phương án trả lời (A, B, C, D) là tương ứng với thứ tự câu hỏi trắc nghiệm trong đề thi. Đối với mỗi câu trắc nghiệm, thí sinh chọn và tô kín một ô tròn tương ứng với một phương án trả lời mà thí sinh cho là đúng;
- 6) Thí sinh không được tô vào phương án có số thứ tự không tương ứng với câu hỏi trắc nghiệm trong đề thi.

**Phụ lục 5.****DANH SÁCH CÁC BIỂU MẪU SỬ DỤNG TRONG KỲ THI TUYỂN SINH  
LỚP 10 THPT**

*(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-QLCL ngày /4/2022 của Sở GDĐT)*

- Mẫu 1. Đơn đăng ký dự tuyển
- Mẫu 2. Đăng ký số lượng dự thi tuyển sinh
- Mẫu 3. Đăng ký danh sách số lượng giáo viên coi, chấm
- Mẫu 4. Đăng ký ấn phẩm tuyển sinh
- Mẫu 5. Phiếu thu bài
- Mẫu 6. Đơn phúc khảo
- Mẫu 7. Danh sách thí sinh đủ điều kiện phúc khảo
- Mẫu 8. Biên bản xét tuyển sinh trung học
- Mẫu 9. Bảng ghi tên dự thi
- Mẫu 10a. Danh sách người học được tuyển
- Mẫu 10b. Danh sách người học được tuyển thẳng
- Mẫu 11. Danh sách thí sinh dự thi theo môn

SỞ GD&ĐT YÊN BÁI  
TRƯỜNG .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN**  
**Vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 20...- 20...**

Họ và tên người dự tuyển: ..... Điện thoại liên hệ:.....  
 Sinh ngày: ..... tháng ..... năm ..... Giới tính:..... Nơi sinh: .....  
 Hộ khẩu thường trú tại thôn(bản):..... xã: .....huyện.....  
 Họ tên cha: ..... nghề nghiệp :.....  
 Hộ khẩu thường trú tại thôn(bản):..... xã: .....huyện.....  
 Họ tên mẹ: ..... nghề nghiệp :.....  
 Hộ khẩu thường trú tại thôn(bản):..... xã: .....huyện.....  
 Tốt nghiệp THCS năm 20..... Tại trường THCS:.....  
 Xin được dự thi vào lớp 10 của trường THPT (NV1): .....  
 Tổ hợp môn học 1 (UT1): .....; Tổ hợp môn học 2 (UT1): .....  
 Tổ hợp môn học 3 (UT3): .....; Tổ hợp môn học 4 (UT4): .....  
 ...  
 Nếu không trúng tuyển, đăng ký xét tuyển vào trường THPT (NV2): .....  
 Tổ hợp môn học 1 (UT1): .....; Tổ hợp môn học 2 (UT1): .....  
 Tổ hợp môn học 3 (UT3): .....; Tổ hợp môn học 4 (UT4): .....  
 ...

**Điểm ưu tiên được cộng thêm:**

+ Đối tượng:..... điểm ưu tiên:.....  
 + Đối tượng:..... điểm ưu tiên:.....

**Các hồ sơ kèm theo gồm:**.....

**Kết quả học tập, rèn luyện các năm THCS:**

Lớp	Học lực		Hạng kiểm	Ghi chú
	Xếp loại	Điểm TB các môn		
6				
7				
8				
9				

Tôi xin cam đoan nội dung trên là hoàn toàn chính xác. Nếu được tuyển vào học, tôi cam kết thực hiện tốt các quy định của nhà trường.

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**Người làm đơn**

(họ và tên, chữ ký)

*Chú ý:*

+ Thống nhất làm trên giấy A4;

+ Căn cứ vào mẫu chung, Trường THPT Chuyên NTT, các trường PTDTNT THPT xây dựng mẫu đơn riêng đảm bảo các thông tin cần xét tuyển; Riêng đơn của các trường DTNT cần có thông tin về hộ khẩu thường trú tại thôn, xã, bản; thuộc vùng kinh tế khó khăn hay đặc biệt khó khăn theo quy định tại văn bản nào; xác nhận không có anh chị em đang học tại trường PTDTNT THPT dự thi.

+ Căn cứ số lượng tổ hợp môn học, nhà trường có thể điều chỉnh số lượng ưu tiên để đảm bảo học sinh trúng tuyển học đúng tổ hợp mình được chọn (có thể có UT0 để học sinh chấp nhận sự phân công của nhà trường vào các tổ hợp mình không đăng ký).



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN LỚP 6**  
**Trường THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành, năm học 2022 - 2023**

Họ và tên thí sinh: ..... Giới tính: ..... Dân tộc: .....  
 Ngày tháng năm sinh: ..... Nơi sinh: .....  
 Hộ khẩu thường trú: .....  
 Tốt nghiệp TH ngày..... tháng 5 năm 2022 tại trường TH .....  
 Thuộc (Phòng Giáo dục và Đào tạo, hoặc trực thuộc Sở GDĐT): .....  
 .....  
 Họ và tên cha/mẹ: ..... Điện thoại: .....

**KẾT QUẢ**

**ĐIỂM ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ CUỐI NĂM CÁC NĂM HỌC TIỂU HỌC**

Lớp	Điểm đánh giá định kỳ cuối năm môn Toán	Điểm đánh giá định kỳ cuối năm môn Tiếng Việt	Giấy khen của Hiệu trưởng về hoàn thành xuất sắc các nội dung về học tập và rèn luyện ở lớp 4 và lớp 5 (đánh dấu x nếu có).
<b>1</b>			
<b>2</b>			
<b>3</b>			
<b>4</b>			
<b>5</b>			

Tôi xin cam kết những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn chịu trách nhiệm.

**NGƯỜI NHẬN ĐƠN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

*Yên Bái, ngày..... tháng 5 năm 2021*  
**NGƯỜI LÀM ĐƠN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
TRƯỜNG THPT.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐKSL  
V/v đăng ký số lượng thi tuyển  
sinh THPT năm 20...

....., ngày..... tháng ..... năm 20...

**ĐĂNG KÝ SỐ LƯỢNG DỰ THI TUYỂN SINH NĂM ...**

TT	Địa chỉ điểm thi	Phòng thi số	Số thí sinh	Ghi chú
1		1	24	
2		2	24	
3		3	...	
....				
Cộng				

1. Điện thoại liên lạc tại điểm thi:.....
  2. Tổng số thí sinh nữ: .....
  3. Tổng số thí sinh dân tộc:.....
  4. Tình hình chuẩn bị cho kỳ thi:.....
- .....

**HIỆU TRƯỞNG**  
(ký, họ và tên, đóng dấu)

*Chú ý: Bảng đăng ký là căn cứ để sao in đề thi tới phòng thi và cử người coi thi; do đó yêu cầu đầy đủ nội dung, chính xác thông tin để lãnh đạo phê duyệt trước khi sao in đề thi; mỗi phòng thi không quá 24 thí sinh..*

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG THPT.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKDT  
V/v đăng ký tham gia coi, chấm thi  
tuyển sinh THPT năm 20...

....., ngày..... tháng ..... năm 20...

**ĐĂNG KÝ DANH SÁCH CÁN BỘ, GIÁO VIÊN  
THAM GIA COI, CHẤM THI TUYỂN SINH NĂM 20...**

ST T	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Môn	Coi thi	Chấm thi	Ghi chú
1							
2							

**HIỆU TRƯỞNG**  
(ký, họ và tên, đóng dấu)

Yêu cầu:

+ Ghi rõ chức vụ: Lãnh đạo, tổ trưởng chuyên môn, thư ký Hội đồng trường và người tham gia làm thư ký cho lãnh đạo nào khi coi thi.

+ Lập danh sách tất cả lãnh đạo, giáo viên của đơn vị theo thứ tự lãnh đạo đơn vị, giáo viên. Nếu có cán bộ, giáo viên nào nghỉ làm thi, có con, cháu ruột dự thi tại đơn vị nào thì ghi rõ lý do ở cột ghi chú và **ghi vào cuối danh sách**.

+ Danh sách đăng ký lập trên bảng tính Excel kiểu chữ Times Roman cỡ chữ 12. Gửi về Sở danh sách bằng văn bản và đĩa chứa danh sách hoặc thư điện tử theo địa chỉ hòm thư [phongqlcl@yenbai.edu.vn](mailto:phongqlcl@yenbai.edu.vn)

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
TRƯỜNG THPT.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐKAP  
V/v đăng ký ấn phẩm thi tuyển  
sinh THPT năm 20...

....., ngày..... tháng ..... năm 20...

**ĐĂNG KÝ ẤN PHẨM**  
**PHỤC VỤ THI TUYỂN SINH NĂM 20...**

<b>STT</b>	<b>Loại ấn phẩm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Bì đựng bài thi		
2	Bì đựng tài liệu		
3	Bì đựng đề thi dự		
4	Giấy thi tự luận		
5	Phiếu trả lời trắc nghiệm		
6	Phù hiệu		
	+ Chủ tịch		
	+ Phó Chủ tịch		
	+ Thư ký		
	+ Cán bộ coi thi		
	+ Phục vụ		
	+ Bảo vệ		

**HIỆU TRƯỞNG**  
(ký, họ và tên, đóng dấu)

**UBND TỈNH YÊN BÁI  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT  
NĂM HỌC 20...-20...**

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
TRƯỜNG .....

**PHIẾU THU BÀI**

Môn thi:.....phòng thi số:.....  
Từ số báo danh:..... đến số báo danh:.....

STT	Số báo danh	Họ và tên	Số tờ	Ký tên
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
11				
12				
13				
14				
15				
16				
17				
18				
19				
20				
21				
22				
23				
24				

Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số thí sinh vắng mặt:.....

Tổng số bài thi:..... (bằng chữ .....) )

Tổng số tờ giấy thi:..... ( bằng chữ.....) )

**Giám thị số 1**  
(họ, tên, chữ ký)

**Giám thị số 2**  
(họ, tên, chữ ký)

....., ngày..... tháng .... năm 20...

**Chủ tịch Hội đồng coi thi**  
(họ, tên, chữ ký)

Chú ý: Thống nhất lập trên giấy A4;

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐƠN XIN PHÚC KHẢO ĐIỂM BÀI THI**  
**KÌ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM 20...**

Họ và tên thí sinh: ..... Điện thoại liên hệ: .....

Sinh ngày: ..... tháng ..... năm .....Giới tính:..... Nơi sinh: .....

Hộ khẩu thường trú tại thôn(bản):..... xã: .....huyện.....

Tốt nghiệp THCS năm 20..... Tại trường THCS:.....

Huyện: ..... tỉnh: .....

Đã dự thi tuyển sinh tại hội đồng coi thi:.....

Số báo danh:..... phòng thi số:.....

Tổng điểm thi đã công bố:..... Điểm khuyến khích cộng thêm:.....

Môn khiếu nại:..... điểm thi: ..... điểm TBCN môn khiếu nại: .....

Môn khiếu nại:..... điểm thi: ..... điểm TBCN môn khiếu nại: .....

Môn khiếu nại:..... điểm thi: ..... điểm TBCN môn khiếu nại: .....

Môn khiếu nại:..... điểm thi: ..... điểm TBCN môn khiếu nại: .....

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**Người làm đơn**

(họ và tên, chữ ký)

**Xác nhận của nhà trường:**

Đối chiếu với hồ sơ dự thi và điều kiện phúc khảo điểm bài thi, thí sinh:..... đủ điều kiện phúc khảo điểm bài thi các môn thi: .....

....., ngày..... tháng .... năm 20...

**HIỆU TRƯỞNG**

(họ, tên, chữ ký)

*Chú ý: Thống nhất lập trên giấy A4*

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
TRƯỜNG THPT.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN PHÚC KHẢO ĐIỂM BÀI THI**  
**KÌ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM 20...**

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Môn phúc khảo			Điểm thi môn phúc khảo			Điểm TBCN môn phúc khảo			Ghi chú
			Văn	Toán	...	Văn	Toán	...	Văn	Toán	...	
1												
2												
3												
...												

**Người nhận và kiểm tra đơn**  
(Họ tên, chữ ký)

....., ngày..... tháng .... năm 20...

**HIỆU TRƯỞNG**  
(họ, tên, chữ ký)

*Chú ý: Thống nhất lập trên giấy A4;*

**UBND TỈNH YÊN BÁI  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
TRƯỜNG .....**

**BIÊN BẢN  
XÉT TUYỂN SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 20...**

Từ.....giờ..... ngày..... tháng ... năm 20...; đến ..... giờ..... ngày..... tháng ... năm 20..., tại.....; Hội đồng tuyển sinh trường ..... đã làm việc:

**1. Thành viên hội đồng tham gia xét tuyển sinh:**

- Chủ tịch .....
- Các phó chủ tịch: .....
- Thư ký:.....
- Các uỷ viên:.....
- Tổng số có mặt:.....

**2. Công việc đã thực hiện:**

a. Kiểm tra danh sách và hồ sơ của người học đăng ký dự tuyển sinh:

- Tổng số đăng ký dự tuyển sinh:.....
- Trong đó:
  - + Giới tính:..... nam; ..... nữ
  - + Dân tộc (ghi rõ số lượng thí sinh từng dân tộc) .....
  - + Độ tuổi: Đúng độ tuổi:..... Không đúng độ tuổi:.....
  - + Số người đã tốt nghiệp THCS từ những năm trước: .....
  - + Số người là đối tượng được hưởng ưu tiên, khuyến khích:.....
  - + Tổng số người học có đủ hồ sơ theo quy định:.....

b. Thực hiện xét tuyển sinh:

Căn cứ vào điểm xét tuyển quy định tại Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông và chỉ tiêu được giao, Hội đồng đã tiến hành xem xét từng trường hợp để tuyển sinh vào học lớp 10, kết quả như sau:

Tổng số người học được tuyển:.....

Trong đó:

- + Nam:..... ; nữ:.....
- + Người học là dân tộc (ghi rõ số lượng từng dân tộc):.....
- + Tổng số người học được tuyển sau phúc khảo điểm bài thi: .....

c. Lập danh sách người học được tuyển vào lớp 10 (có danh sách kèm theo)

Biên bản này được toàn thể các thành viên của Hội đồng nhất trí thông qua.

....., ngày..... tháng .... năm 20...

**Chủ tịch Hội đồng coi thi**  
(họ, tên, chữ ký)

HỌ, TÊN, CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN TRONG HỘI ĐỒNG

*Chú ý : Thống nhất làm trên giấy A4*



**UBND TỈNH YÊN BÁI  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT  
NĂM HỌC 20...-20...**

**HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG**

.....

**BẢNG GHI TÊN DỰ THI**

Phòng thi số:.....

Từ SBD:..... đến SBD:.....

T T	Số báo đanh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh (huyện,tỉnh)	Hộ khẩu (huyện,tỉnh)	Điểm Ưu tiên	Học sinh trường THCS	Huyện	Trường chuyên biệt	Trường đăng ký xét tuyển NV1	Trường đăng ký xét tuyển NV2	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1														
2														
3														
...														

**Người lập bảng**  
(Họ tên, chữ ký)

....., ngày..... tháng .... năm 20...  
**HIỆU TRƯỞNG**  
(họ, tên, chữ ký)

*Chú ý: + Thống nhất lập trên giấy A3 font chữ Times new roman cỡ 9. Các điểm ưu tiên, khuyến khích thống nhất để dấu chấm (.) ngăn cách giữa phần nguyên và phần thập phân theo mặc định của Excel.*

*+ Cột 3 “Họ và tên”: chỉ để 01 cột (không tách riêng thành 2 cột: Cột họ và cột tên);*

*+ Cột 7: Định dạng kiểu dd/mm/yyyy (chú ý sau khi nhập cần kiểm tra chính xác dữ liệu).*

*+ Cột 8: Thí sinh thi vào các trường PTDTNT ghi đến thôn, bản, xã*

*+ Cột 10 chỉ ghi tên riêng của trường THCS, TH&THCS.....*

*+ Cột 12,13, 14 chỉ ghi các chữ số của mã trường đã quy định tại Phụ lục 2;*

*+ Nộp Sở cùng bài thi gồm 01 bản in và CD ghi bảng ghi tên, ghi điểm; không thêm cột, không link dữ liệu từ nơi khác vào bảng ghi tên, ghi điểm.*

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
TRƯỜNG THPT.....

**DANH SÁCH NGƯỜI HỌC ĐƯỢC TUYỂN**  
Vào lớp 10 năm học 20... - 20...

TT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu (huyện, tỉnh)	Học sinh trường THCS	Huyện	Điểm xét tuyển	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1											
2											
..											
..											
Hết											

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÊ DUYỆT**

Tổng số h/s được tuyển:..... điểm chuẩn: .....  
Trong đó: h/s nữ:....., h/s dân tộc:.....

Yên Bái, ngày..... tháng..... năm 20...  
**GIÁM ĐỐC**

Trường THPT..... đề nghị tuyển:  
Tổng số h/s được tuyển:..... điểm chuẩn: .....  
Trong đó: h/s nữ: ..... h/s dân tộc:.....

....., ngày..... tháng..... năm 20...  
**HIỆU TRƯỞNG**  
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Chú ý: + Thống nhất lập trên giấy A4 theo chiều ngang, đóng thành quyển có bìa, trang đầu là biên bản xét tuyển của đơn vị.  
+ Nộp về Sở GDĐT sau khi duyệt điểm chuẩn

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG THPT.....**

**DANH SÁCH NGƯỜI HỌC ĐƯỢC TUYỂN THĂNG**  
**Vào lớp 10 năm học 20... - 20...**

TT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Huyện	Lý do tuyển	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										
..										
..										
Hết										

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÊ DUYỆT**

Tổng số h/s được tuyển:.....  
Trong đó: h/s nữ:....., h/s dân tộc:.....

*Yên Bái, ngày..... tháng..... năm 20...*  
**GIÁM ĐỐC**

Trường THPT..... đề nghị tuyển:  
Tổng số h/s được tuyển:.....  
Trong đó: h/s nữ: ..... h/s dân tộc:.....

....., ngày..... tháng..... năm 20...  
**HIỆU TRƯỞNG**  
*(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)*

*Chú ý: + Thống nhất lập trên giấy A4 theo chiều ngang, đóng thành quyển có bìa, trang đầu là biên bản xét tuyển của đơn vị.*

**UBND TỈNH YÊN BÁI  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT  
NĂM HỌC 20...-20...**

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG

.....

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI (THEO MÔN).**

STT	Mã hội đồng	Số báo danh (SBD)	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Mã điểm thi	Tên điểm thi	Phòng thi số	Mã môn thi	Trạng thái
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1										TO	
2										TO	
3										....	
4										VA	
5										VA	
6										....	
7										N1	
...										N1	
.....										.....	
										SU	
										SU	
										.....	

*Chú ý: + Thống nhất lập trên bảng Excel, khổ A4, fon chữ Times new roman cỡ 12.*

*+ Bản mềm gửi qua Email chưa cập nhật thông tin trạng thái (Cột 12)*

*+ Bản ghi đĩa CD nộp cùng bài thi phải cập nhật đầy đủ thông tin Cột 12. (Cập nhật theo mã hóa: Bình thường “0”; Vắng thi “1”; Khiển trách “2”; cảnh cáo “3”; Đình chỉ “4”).*

*+ Cột 1: Số thứ tự liên tiếp từ 1 đến hết (không lặp lại ở các môn)*

*+ Cột 11: Nhập hết các môn thi lần lượt, không để cách dòng (Toán “TO”; Ngữ văn “VA”; Tiếng Anh “N1”; Lịch sử “SU”).*

*+ Cột 2 và 7 để trống.*

